

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P.
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HS-ST
Ngày: 22- 10- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P.

TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Ông Mai Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P. tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đào Nhã Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. PHAN THỊ H, sinh năm 1956 tại N.Nơi cư trú: phường M, thành phố P; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Phan L(chết) và bà Huỳnh Thị M (chết); chồng: Vũ H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. ĐỖ THỊ B., sinh năm: 1989, tại N. Nơi cư trú: phường P, thành phố P; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Đỗ S và bà Quách Thị V.; chồng: Phạm K. và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng (đều vắng mặt):

+ Huỳnh Thị T, sinh năm: 1995, trú: phường H, thành phố P.

+ Nguyễn Thanh M., sinh năm: 1981 trú: xã T., thành phố P.

- + Nguyễn Thị N, sinh năm: 1983, trú: phường Đ, thành phố P.
- + Phạm Hữu K, sinh năm: 1969, trú: phường T, thành phố P.
- + Bùi Thị Bích P, sinh năm: 1983, trú: phường T, thành phố P.
- + Dương Quốc B, sinh năm: 1996, trú: phường T, thành phố P.
- + Bùi Thế L, sinh năm: 1980, trú: phường T, thành phố P.
- + Lê Hùng Th, sinh năm: 1979, trú: phường T, thành phố P.
- + Trần Thị Phương Tr, sinh năm: 1996, trú: phường M, thành phố P.
- + Nguyễn Lê Thanh T, sinh năm: 1981, trú: phường T, thành phố P.
- + Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1985, trú: phường T, thành phố P.
- + Ông Trương Minh C, sinh năm: 1978, trú: phường T, thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị H được cấp giấy phép kinh doanh “trò chơi trẻ em” tại phường T, tp. P. H thuê Đỗ Thị B làm nhân viên. Khoảng tháng 10 năm 2017, H có thuê người từ thành phố M. tới tiệm game để lắp đặt hệ thống quẹt thẻ điểm để cho người chơi đánh bạc bằng hình thức bắn cá được thua bằng tiền với cách thức: người chơi bỏ ra 100.000 đồng thì mua được 50 điểm trên thẻ, sau đó từ 50 điểm trên thẻ sẽ nhập (bơm) được 5000 điểm trên máy chơi game bắn cá. Người chơi trực tiếp điều khiển trên màn hình điện tử để bắn cá ăn điểm. Sau đó, nếu thắng thì số điểm sẽ được quy đổi ra tiền tương ứng, nếu thua thì dùng tiền mua thêm điểm để tiếp tục chơi. Đồng thời Phan Thị H giao cho Đỗ Thị B quản lý tiệm game và B được hướng dẫn cách nạp điểm vào thẻ và cách đổi điểm ra thành tiền để trả thưởng cho các con bạc.

Vào sáng ngày 18/12/2017, Phan Thị H giao cho Đỗ Thị B số tiền 5.000.000 đồng dùng để trả thưởng cho các con bạc. Trong khoảng thời gian từ 09 giờ đến 20 giờ 45 phút ngày 18/12/2017, H và B đã tổ chức cho 12 con bạc đánh bạc dưới hình thức game bắn cá tại hai máy với số tiền cụ thể:

Máy thứ nhất (máy màu vàng):

1. Huỳnh Thị T nạp 3 lần với tổng số tiền là 300.000 đồng, bị thua hết. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa T và H là 300.000 đồng. Số tiền H hưởng lợi là 300.000 đồng.

2. Nguyễn Thanh M. nạp 01 lần 100.000 đồng, bị thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa M. và H là 100.000 đồng. Tổng số tiền H thu lợi là 100.000 đồng.

3. Nguyễn Thị N chơi 3 lần, lần thứ nhất từ 13h đến 16h nạp 700.000 đồng, thắng được 200.000 đồng; lần thứ hai từ 17h đến khoảng 19h nạp 100.000 đồng, thua hết; lần 3 từ 19h đến 20h30 phút nạp 200.000 đồng, chơi hòa. Tổng số tiền đánh bạc giữa N và H là 1.200.000 đồng. Số tiền H thua bạc là 100.000 đồng.

4. Phạm Hữu K. do có thẻ tích điểm gửi lại tiệm, ngày 18/12/2017, K 2 lần yêu cầu B. bắn vào thẻ máy bắn cá với tổng số điểm 20.000 điểm tương đương 400.000 đồng, bị thua hết. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa Hùng và Hương là 400.000 đồng. Số tiền Hương thu lợi là 400.000 đồng.

5. Dương Quốc B chơi đánh bạc 2 lần, lần 1 lúc khoảng 12h nạp 1.000.000 đồng , lần 2 lúc khoảng 19h30 phút nạp 2.000.000 đồng , thua 1.900.000 đồng. Khi B đang đánh bạc thì bị Công an bắt quả tang. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa B và H là 3.000.000 đồng. Số tiền H thu lợi là 2.000.000 đồng.

6. Bùi Thị Bích P: nạp 100.000 đồng thắng được 220.000 đồng. Khi P đang đánh bạc thì bị Công an bắt quả tang. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa P và H là 320.000 đồng. Số tiền H thu lợi là 100.000 đồng.

7. Bùi Thế L nạp 200.000 đồng, thắng được 800.000 đồng. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa L và H là 1.000.000 đồng. Số tiền H thu lợi là 200.000 đồng.

8. Lê Hùng Th: được Bùi Thị Bích P chuyển qua cho 10.000 điểm vào máy bắn cá tương đương với 200.000 đồng. Khi bị cơ quan Công an bắt quả tang Th còn lại 3.000 điểm trên máy bắn cá. Vậy tổng số tiền đánh bạc giữa Th và H là 200.000 đồng.

9. Trần Thị Phương T: nạp 3.000.000 đồng chơi thì thua hết. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và H là 3.000.000 đồng. Số tiền H thu lợi là 3.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền đánh bạc giữa Phan Thị H với 9 con bạc chơi tại máy 1 là 9.520.000 đồng. H thu lợi tổng số tiền 6.000.000 đồng.

Máy số 2 (máy màu xanh):

1. Nguyễn Lê Thanh T: mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc. T yêu cầu B. nạp 6 lần điểm với tổng số tiền 2.900.000 đồng, đánh bạc được 500.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc giữa T và H là 3.400.000 đồng. Số tiền H bị thua bạc là 500.000 đồng.

2. Lê Thị Ngọc T: được Trần Thị Phương T đưa cho thẻ có 25.000 điểm tương đương 500.000 đồng, chơi thắng được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc theo quy định của pháp luật giữa T và H là 1.500.000 đồng. Số tiền H bị thua bạc là 1.000.000 đồng.

3. Nguyễn Thanh M: nạp 150.000 đồng, đang chơi thắng được 930.000 đồng. Khi M đang đánh thì bị Công an bắt quả tang (tổng số điểm,

đang chơi là 54.000 điểm). Tổng số tiền đánh bạc giữa M và H là 1.080.000 đồng. Số tiền Hương thu lợi là 150.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền đánh bạc giữa Phan Thị H với 3 con bạc chơi tại máy 2 là 5.980.000 đồng. Số tiền H thua bạc là 1.350.000 đồng.

Cáo trạng số 68/QĐ-VKSPR ngày 02/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố các bị cáo Phan Thị H, Đỗ Thị B về tội “tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, phạt tiền bị cáo B hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội “tổ chức đánh bạc”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị H và bị cáo Đỗ Thị B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Phan Thị H và Đỗ Thị B đã tổ chức cho 12 người đánh trên 02 chiếu bạc với tổng số tiền đánh bạc là 15.500.000 đồng. Tổng số tiền H thu lợi từ việc tổ chức đánh bạc ngày 18/12/2017 là 4.650.000 đồng. Số tiền sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc là 9.650.000 đồng (trong đó 4.650.000 đồng là tiền thu lợi từ việc nạp tiền vào thẻ, 5.000.000 đồng là tiền H đưa cho B. để trả thưởng cho các con bạc). Vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các quy định về trật tự công cộng của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội và trật tự an toàn ở địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có hiệu lực pháp luật và theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Do đó, cáo

trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm truy tố các bị cáo Phan Thị H, Đỗ Thị B về tội “ tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để đưa ra mức án phù hợp và nghiêm khắc nhằm mang tính răn đe và giáo dục và phòng ngừa chung. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (đây là 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự). Đối với bị cáo H có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 do bị cáo được tặng 2 Kỷ niệm chương của Bộ Công an và của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, mẹ của bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, cậu ruột của bị cáo là liệt sỹ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền với các bị cáo cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Cơ quan điều tra đã trả lại một số tài sản không liên quan đến nội dung vụ án là có căn cứ, bao gồm: Trả cho Phan Thị H số tiền 8.800.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 43A8 00xxxx và 02 ví da; trả cho chủ sở hữu là Huỳnh Thị Trúc C số tiền 950.000 đồng; trả cho Dương Quốc B số tiền 5.222.000 đồng; trả cho Lê Thị Ngọc T số tiền 395.000 đồng; trả cho Đỗ Thị B số tiền 700.000 đồng và 01 điện thoại di động iPhone 6 màu hồng; trả cho Nguyễn Lê Thanh T số tiền 840.000 đồng; trả cho Trương Minh C 01 đầu thu camera hiệu ES CORT, màu đen và 01 máy vi tính màu tím hiệu FUJITSU; trả cho Bùi Thị Bích P số tiền 350.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu sung quỹ nhà nước 9.650.000 đồng của bị cáo H thu lợi bất chính và sử dụng vào việc đánh bạc. Tịch thu sung quỹ nhà nước 1.500.000 đồng của Nguyễn Lê Thanh T, 1.100.000 đồng của Nguyễn Thị N, 1.500.000 đồng của Lê Thị Ngọc T dùng vào việc đánh bạc. Tịch thu sung quỹ nhà nước 2 máy game bắn cá, 01 máy quét thẻ điểm, 12 thẻ nhựa dùng để nạp tiền chơi game bắn cá, 1 đầu thu camera hiệu HD Paragon màu đen và 11 đĩa DVD hiệu Maxwell lưu trữ dữ liệu từ camera là phương tiện dùng để đánh bạc. Tiếp tục giao cho cơ quan công an tạm giữ để xử lý sau số tiền 1.080.000 đồng của Trần Thị Phương Tr. hiện không có mặt tại địa phương và 1 xe mô tô 85B1- 520.10 do qua xác minh là biển số giả, chưa xác định được chủ sở hữu.

Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị H, Đỗ Thị B phạm tội “tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị H 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 249, điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị B 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào: điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 9.650.000 đồng của bị cáo H thu lợi bất chính và sử dụng vào việc đánh bạc. Tịch thu sung quỹ nhà nước 1.500.000 đồng của Nguyễn Lê Thanh T. Số tiền tổng cộng là 11.150.000 đồng hiện do Chi cục thi hành án Dân sự thành phố P quản lý, theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 15 ngày 22 tháng 8 năm 2018.

- Tuyên buộc Nguyễn Thị N nộp 1.100.000 đồng, Lê Thị Ngọc T 1.500.000 đồng là số tiền dùng vào việc đánh bạc để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 máy game bắn cá, 01 máy quét thẻ điểm, 12 thẻ nhựa dùng để nạp tiền chơi game bắn cá, 01 đầu thu camera hiệu HD Paragon màu đen và 11 đĩa DVD hiệu Maxwell lưu trữ dữ liệu từ camera là phương tiện dùng để đánh bạc. Các vật chứng này hiện do Chi cục thi hành án Dân sự thành phố P quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục thi hành án Dân sự thành phố P.

- Tiếp tục giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tạm giữ để xử lý sau số tiền 1.080.000 đồng của Trần Thị Phương Tr. hiện không có mặt tại địa phương và 1 xe mô tô 85B1- 520.10 do qua xác minh là biển số giả, chưa xác định được chủ sở hữu.

Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh N;
- Chi cục THADS TPP;
- VKSND TP.P;
- Công an tp. P;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ninh Thị Kiều Hạnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8

tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2

Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

